



QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số: **09** /NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Phước Sơn)

Biểu mẫu số 59 - ND 31/2017/ND-CP

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán								Quyết toán								So sánh (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu					Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu					Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	TỔNG SỐ	221.243.811.499	77.938.000.000	143.305.811.499		143.305.811.499	36.472.407.000	45.090.342.499	61.743.062.000	217.139.052.711	77.938.000.000	139.201.052.711	0	139.201.052.711	35.637.928.250	41.922.870.461	61.640.254.000	98,1	100,0	97,1		97,1	97,7	93,0	99,8
1	Thị trấn Khâm Đức	16.586.911.492	6.484.100.000	10.102.811.492		10.102.811.492	1.749.556.000	6.367.907.492	1.985.348.000	16.555.261.492	6.484.100.000	10.071.161.492		10.071.161.492	1.749.556.000	6.336.257.492	1.985.348.000	99,8	100,0	99,7		99,7	100,0	99,5	100,0
2	Xã Phước Đức	15.336.244.870	6.710.800.000	8.625.444.870		8.625.444.870	1.228.681.000	2.434.098.870	4.962.665.000	15.067.753.070	6.710.800.000	8.356.953.070		8.356.953.070	1.219.414.000	2.277.682.070	4.859.857.000	98,2	100,0	96,9		96,9	99,2	93,6	97,9
3	Xã Phước Năng	28.548.187.489	6.433.500.000	22.114.687.489		22.114.687.489	7.543.295.000	4.272.850.489	10.298.542.000	28.096.866.089	6.433.500.000	21.663.366.089		21.663.366.089	7.428.257.000	3.936.567.089	10.298.542.000	98,4	100,0	98,0		98,0	98,5	92,1	100,0
4	Xã Phước Mỹ	17.158.346.901	6.433.500.000	10.724.846.901		10.724.846.901	2.427.000.000	3.883.877.901	4.413.969.000	16.175.381.620	6.433.500.000	9.741.881.620		9.741.881.620	2.252.323.000	3.075.589.620	4.413.969.000	94,3	100,0	90,8		90,8	92,8	79,2	100,0
5	Xã Phước Chánh	24.442.154.486	6.725.000.000	17.717.154.486		17.717.154.486	4.915.000.000	4.280.145.486	8.522.009.000	24.100.513.040	6.725.000.000	17.375.513.040		17.375.513.040	4.821.247.600	4.032.256.440	8.522.009.000	98,6	100,0	98,1		98,1	98,1	94,2	100,0
6	Xã Phước Công	17.815.565.491	6.285.700.000	11.529.865.491		11.529.865.491	4.762.896.000	1.969.273.491	4.797.696.000	17.372.727.751	6.285.700.000	11.087.027.751		11.087.027.751	4.687.688.000	1.601.643.751	4.797.696.000	97,5	100,0	96,2		96,2	98,4	81,3	100,0
7	Xã Phước Kim	14.990.997.683	6.437.500.000	8.553.497.683		8.553.497.683	2.747.000.000	2.651.176.683	3.155.321.000	14.778.727.683	6.437.500.000	8.341.227.683		8.341.227.683	2.747.000.000	2.438.906.683	3.155.321.000	98,6	100,0	97,5		97,5	100,0	92,0	100,0
8	Xã Phước Thành	16.398.478.698	6.575.200.000	9.823.278.698		9.823.278.698	1.235.000.000	3.522.182.698	5.066.096.000	16.166.847.348	6.575.200.000	9.591.647.348		9.591.647.348	1.045.310.650	3.480.240.698	5.066.096.000	98,6	100,0	97,6		97,6	84,6	98,8	100,0
9	Xã Phước Lộc	16.233.625.000	6.437.400.000	9.796.225.000		9.796.225.000	1.395.557.000	4.074.320.000	4.326.348.000	16.089.030.000	6.437.400.000	9.651.630.000		9.651.630.000	1.392.362.000	3.932.920.000	4.326.348.000	99,1	100,0	98,5		98,5	99,8	96,5	100,0
10	Xã Phước Xuân	13.989.592.670	6.426.500.000	7.563.092.670		7.563.092.670	1.053.770.000	3.369.974.670	3.139.348.000	13.594.818.099	6.426.500.000	7.168.318.099		7.168.318.099	1.053.770.000	2.975.200.099	3.139.348.000	97,2	100,0	94,8		94,8	100,0	88,3	100,0
11	Xã Phước Hiệp	22.281.934.331	6.696.100.000	15.585.834.331		15.585.834.331	4.628.000.000	4.008.309.331	6.949.525.000	22.053.006.131	6.696.100.000	15.356.906.131		15.356.906.131	4.628.000.000	3.779.381.131	6.949.525.000	99,0	100,0	98,5		98,5	100,0	94,3	100,0
12	Xã Phước Hòa	17.461.772.388	6.292.700.000	11.169.072.388		11.169.072.388	2.786.652.000	4.256.225.388	4.126.195.000	17.088.120.388	6.292.700.000	10.795.420.388		10.795.420.388	2.613.000.000	4.056.225.388	4.126.195.000	97,9	100,0	96,7		96,7	93,8	95,3	100,0

Ghi chú: (1) Bổ sung từ ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; bổ sung từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.